TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 174/2026/HNGĐ-ST Ngày: 18 – 8 – 2026 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Doanh.

Bà Hoàng Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 451/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hải Y, sinh ngày 17/6/2002. Căn cước số: 03030200XXXX; cấp ngày: 27/02/2025; nơi cấp: Bộ C. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố V, phường T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 13/3/1999. Căn cước số: 03009900XXXX; cấp ngày: 06/10/2025; nơi cấp: Bộ C. Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường T, thành phố Hải Phòng.

Chị Y vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ anh S, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hòa thuận. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách lối sống không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã to tiếng, xô xát lẫn nhau. Tháng 9/2022 chị đi nước ngoài làm việc, vợ chồng sống xa nhau, không giao tiếp được với nhau nên tình cảm dần lạnh nhạt. Đến tháng 12/2023 chị về nước để chăm sóc con nhưng tình trạng mâu thuẫn cũng không cải thiện, cuộc sống chung căng thẳng, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Trong quá trình vợ chồng mâu thuẫn, gia đình hai bên đều biết và có động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng sống ly thân, anh S không còn quan tâm hay tìm đón chị nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/2021, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Y bận công việc, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng nên chị đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ anh S) trình bày*:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn S, là bố mẹ chồng của chị Trần Thị Hải Y. Anh S và chị Y được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng ông bà, sau đó khoảng 01 năm thì anh S và chị Y cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Anh chị làm việc tại Đài Loan được 01 năm thì chị Y về Việt Nam làm tại 01 công ty ở gần nhà. Sau hơn 01 tháng, chị Y thuê nhà trọ tại Sao Đỏ và đưa con về ở cùng chị, không tiếp tục chung sống cùng ông bà nữa. Khi anh S về Việt Nam nghỉ phép có qua đón mẹ con chị Y về nhưng chị không về, hết thời gian nghỉ phép thì anh S trở lại Đài Loan làm việc. Khoảng 3 - 4 tháng sau, chị Y đưa con về giao cho ông bà nuôi dưỡng. Từ đó, cứ khoảng 1 - 2 tháng chị Y lại đến đón con về chơi 1 - 2 ngày rồi đưa con giao lại cho ông bà nuôi. Giữa năm 2025, anh S về Việt Nam nhưng anh chị cũng không quay lại chung sống cùng nhau

nữa. Chị Y yêu cầu anh S phải xây nhà và để chị đứng tên sổ tiết kiệm thì mới quay lại chung sống với anh. Từ đó đến nay, ông bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; anh S đi làm và có gửi tiền về để đóng học cho cháu, còn chị Y không gửi tiền về để cùng chăm lo, nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, cháu M vẫn sống cùng gia đình ông bà. Nay chị Y có đơn xin ly hôn, quan điểm của ông bà là cha mẹ không muốn các con phải ly hôn nhưng nếu chị Y kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Duy M sinh ngày 05/01/2021 hiện cháu đang ở cùng ông bà và anh S. Gia đình ông bà và anh S có nguyện vọng là trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Nếu anh S được giao nuôi con thì ông bà sẽ hỗ trợ anh S trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Bản thân ông bà có nhà cửa rộng rãi, có điều kiện về thời gian, sức khỏe để hỗ trợ anh S nuôi dưỡng cháu. Gia đình ông bà và anh S cũng không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Y chu cấp bao nhiêu thì tùy chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không nắm rõ.

Hiện tại anh S làm công việc lắp ráp ô tô Vinfast ở Hải Phòng, mỗi tháng anh S về thăm nhà 1 – 2 lần, thỉnh thoảng có việc thì anh cũng về nhà. Tòa án có giao cho ông bà các văn bản của Tòa, ông bà nhận và đã thông báo lại cho S. Anh S đã nắm được yêu cầu khởi kiện của chị Y về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh S trình bày có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Do ông bận bà công việc không tiện đi lại nên ông bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Y, anh S đăng ký kết hôn và đăng ký thường trú thể hiện: Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 2002 và anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1999 đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị về nhà bố mẹ đẻ anh S cùng chung sống. Anh chị có đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài 01 thời gian, sau đó lại về Việt Nam. Địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị. Tuy nhiên địa phương được biết hiện tại chị Y đã dọn đi không ở cùng với gia đình anh S nữa, vợ chồng mỗi người ở một nơi, con chung của anh chị hiện tại sống cùng ông bà nội và bố. Nay chị Y có đơn xin ly hôn với anh S, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh năm 2021. Nếu

anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, địa phương không nắm được. Hiện tại anh S đang làm việc tại Hải Phòng, thường xuyên vắng nhà, mỗi tháng có về nhà khoảng 1 – 2 lần. Tòa án và địa phương có tiến hành niêm yết các văn bản của Tòa án theo quy định pháp luật.

* Tại Công văn số 5283/XNC-Đ1 ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện:

Trường hợp Nguyễn Văn S có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 12/02/2025 qua cửa khẩu sân bay N, nhập cảnh trở lại ngày 24/9/2025 qua cửa khẩu sân bay N.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y, cho chị Y được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/2021 cho anh Nguyễn Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh S; Về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Hải Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn S. Bị đơn anh Nguyễn Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu

thường trú và hiện đang cư trú tại tổ dân phố V, phường T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh S thông qua bố mẹ ruột anh là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông T, bà H xác nhận đã thông báo đầy đủ nội dung các văn bản của Tòa án cho anh S biết, tuy nhiên, anh S không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa lần thứ hai chị Y đề nghị xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án xác định: Trong quá trình chung sống, chị Y và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng, thậm chí xô xát với nhau. Anh chị có thời gian dài sống xa nhau, việc giao tiếp, quan tâm, chia sẻ bị hạn chế do khoảng cách địa lý, không có điều kiện vun đắp tình cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, rạn nứt. Hiện tại anh chị không còn chung sống cùng nhau, đời sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đều biết và đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể khắc phục và có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh S đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến gì, không gửi văn bản trình bày quan điểm và cũng không tham gia tố tụng, cho thấy anh S không quan tâm đến tâm tư tình cảm của chị Y, không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn cũng như

mong muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ và xây dựng lại cuộc sống chung.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh S đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Văn S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh S và chị Y có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/2021. Khi ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Y đồng ý giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy anh chị đã có quan điểm thống nhất về việc giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Duy M đang sinh sống ổn định cùng anh S và ông bà nội. Cháu đã có thời gian dài được anh S và ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sinh hoạt trong môi trường ổn định và đã quen với điều kiện sống hiện tại. Anh S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và được chị Y đồng ý. Ông T, bà H là bố mẹ anh S cũng có điều kiện về thời gian, sức khỏe để hỗ trợ anh S trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Việc tiếp tục giao cháu M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm sự ổn định về nơi ở, sinh hoạt, môi trường học tập và tâm lý của cháu, hạn chế việc xáo trộn cuộc sống của cháu sau khi cha mẹ ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Nguyễn Duy M cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của các bên, điều kiện thực tế của cháu và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Duy M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh S tự nguyện không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1

Điều 28, Điều 227, Điều 228; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy M, sinh ngày 05/01/2021 cho anh Nguyễn Văn S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác.

Chị Y được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh S tự nguyện không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. hành

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0006678 ngày 01 tháng 6 năm 2026 tại Thi án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường T, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh